

DỰ ÁN MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI VIỆT NAM VÀ VAI TRÒ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN CỦA TRƯỜNG SƯ PHẠM

THE VNEN PROJECT AND THE ROLE OF TRAINING AND FORESTING FOR TEACHERS AT THE UNIVERSITY OF EDUCATION

Mã Thanh Thủy

Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng; Email: mathanhthuyspdn@gmail.com

Tóm tắt - Mô hình VNEN (Escuela Nueva – Việt Nam) là Dự án do Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) phối hợp với Quỹ hỗ trợ phát triển giáo dục toàn cầu (GPE) triển khai ở các trường tiểu học trên toàn quốc từ 6/2012 đến 6/2015. Đây là mô hình đổi mới chất lượng dạy học ở bậc tiểu học; trong mô hình này, học sinh được trải nghiệm, tìm tòi, khám phá, phát hiện kiến thức mới một cách tích cực, tự giác và tự lực. Trước thực tiễn đó, việc xác định vai trò của trường sư phạm trong việc đào tạo và bồi dưỡng giáo viên tiểu học là một vấn đề quan trọng. Trong bài báo này, tác giả đề cập tới hai vấn đề chính: Một vài đặc điểm về Dự án mô hình trường học mới Việt Nam VNEN; vai trò của trường sư phạm trong việc đào tạo, bồi dưỡng giáo viên tiểu học và một vài ý kiến đề xuất.

Từ khóa - mô hình; vai trò; sư phạm; đào tạo; bồi dưỡng

Abstract - The model of VNEN (new school - Viet Nam) project is funded by the Ministry of Education and Training in collaboration with the Global Fund on Education of the United Nations (GPE). VNEN is done from June 2012 to June 2015 in primary schools across the country. This new school model creates positive changes and students are to experience, explore and discover. The new approach to learning will help students be more active, more confident. This article refers to the two main problems: Features of the new school project VNEN; the role of University of Education in training and fostering primary school teachers and promote some ideas.

Key words - project; role; education; training; foresting

1. Một vài đặc điểm về Dự án mô hình trường học mới Việt Nam (VNEN)

Mô hình VNEN là Dự án do Bộ GD&ĐT phối hợp với Quỹ hỗ trợ phát triển giáo dục toàn cầu (GPE) triển khai ở các trường tiểu học trên toàn quốc từ 6/2012 đến 6/2015. Dự kiến trong 3 năm, mô hình sẽ được triển khai trong cả nước. Việc này được xem như dấu hiệu khởi đầu cho một bước đổi mới tận gốc giáo dục (GD) phổ thông bao gồm: mục tiêu, nội dung, chương trình, cách thức tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá học sinh [1]. Mô hình trường học mới VNEN:

Đặc điểm về mục tiêu dạy học: “Về mục tiêu dạy học, mô hình trường học mới đảm bảo cho học sinh được rèn luyện một cách toàn diện, không phải chỉ có học kiến thức mà được rèn luyện nhiều hơn về kỹ năng sống, trang bị năng lực tự quản bản thân, tự quản tập thể cho học sinh” [9].

Đặc điểm về nội dung, chương trình, sách giáo khoa

Trong mô hình trường học mới, để đạt được mục đích, yêu cầu về đổi mới phương pháp dạy học (PPDH), quan điểm phát huy tính sáng tạo của học sinh (HS) được thể hiện rất rõ trong sách giáo khoa thử nghiệm. Nội dung chương trình theo chuẩn kiến thức, kỹ năng do Bộ GD&ĐT ban hành; được sắp xếp lại theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HS. Theo mô hình này, các môn học chính sẽ là Toán, Tiếng Việt, Tìm hiểu Tự nhiên- Xã hội. Các môn học khác chuyển thành các hoạt động GD như: GD đạo đức, GD âm nhạc, GD mỹ thuật, GD thể chất, GD kỹ năng sống. Tài liệu được biên soạn lại, sắp xếp theo phương thức “ba trong một” thành một tài liệu chung gồm: sách giáo khoa, sách giáo viên (GV) và sách hướng dẫn HS tự học.

Trong việc thiết kế nội dung dạy học của mô hình VNEN, một bài học đều được thiết kế nhằm đảm bảo được nội dung kiến thức vừa có tính thực tiễn, vừa tránh hàn lâm, vừa đảm bảo tính tự giác học tập của HS gồm có ba hoạt động:

- Hoạt động cơ bản: HS tự trải nghiệm, khám phá để hình thành kiến thức mới.

- Hoạt động thực hành: HS áp dụng kiến thức đã học vào bài tập.

- Hoạt động ứng dụng: HS hiểu và vận dụng kiến thức vào cuộc sống [4].

Đặc điểm về PPDH và hình thức tổ chức dạy học

Một trong những đặc điểm của mô hình VNEN là sự chuyển đổi hình thức giảng dạy truyền thụ từ phía giáo viên (GV) sang việc tự học của HS. “Việc học tập không còn đơn giản là đọc chép mà là có học, có nghiên cứu, có trình bày, có báo cáo nên rèn luyện học sinh được rất nhiều” [8]. Đây là mô hình áp dụng PPDH mới thay thế PPDH truyền thống, trong đó HS sẽ giữ vai trò trung tâm, GV là người hướng dẫn và đồng hành với HS, giúp HS tự tìm hiểu kiến thức. Quy trình thực hiện như sau:

Tạo hứng thú cho HS → Tổ chức cho HS trải nghiệm, phân tích → Tổ chức cho HS tự khám phá → Tổ chức cho HS rút ra kiến thức, thực hành → Củng cố bài học, ứng dụng [6].

Ở mô hình này ngoài việc giúp HS được tự trải nghiệm, tìm tòi, khám phá, phát hiện kiến thức thông qua các hoạt động theo nhóm, theo cặp thì HS còn được kích thích sự sáng tạo, rèn luyện tính độc lập và sự tự tin trong mọi hoạt động [4]. PPDH mới đòi hỏi có sự tham gia tích cực của cộng đồng, tức là đề cao vai trò của gia đình, cộng đồng trong việc phối hợp giảng dạy cho HS. Trong đó, các em có thể học tập từ phía gia đình, cộng đồng và từ những vấn đề về văn hoá địa phương để làm phong phú thêm kiến thức [3].

Hội đồng tự quản thành lập vì HS, cho HS, bởi HS. Hội đồng tự quản là do các em HS tự bầu, tự tổ chức và thực hiện. GV thực hiện vai trò là người giám sát, hỗ trợ [5]. Để Hội đồng tự quản hoạt động, không gian học tập của HS trong lớp học cũng thay đổi. Trong lớp học, các

dây bàn ghế không kê theo kiểu truyền thống mà được kê theo các nhóm học tập. Ngoài ra, trong lớp còn có thư viện, góc đồ dùng học tập, góc cộng đồng, góc trưng bày sản phẩm, góc sinh nhật, hộp thư vui, hộp thư “những điều em muốn nói”... tạo nên một môi trường học tập mới gần gũi và rất thân thiện [5].

Đặc điểm về kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

Việc kiểm tra và đánh giá kết quả học tập căn cứ vào chuẩn kiến thức, kỹ năng và yêu cầu về thái độ của từng môn học, của từng khối lớp; phối hợp giữa đánh giá thường xuyên và định kì, giữa đánh giá của GV và tự đánh giá của HS, giữa đánh giá của nhà trường và đánh giá của gia đình, cộng đồng. Một trong những đặc điểm nổi bật của mô hình là chuyển đổi từ việc đánh giá bằng điểm số sang đánh giá bằng nhận xét, đo lường mức độ hiệu quả công việc và năng lực thực hiện của HS. Đổi mới việc đánh giá, gồm: “Đánh giá năng lực”, “Đánh giá quá trình” và “Tự đánh giá”. Hình thức đánh giá năng lực của HS gồm: Tự đánh giá, đánh giá lẫn nhau, GV đánh giá HS [6].

Trong hội nghị triển khai dự án mô hình VNEN tại Việt Nam, Thứ trưởng Bộ GD&ĐT Nguyễn Vinh Hiển khẳng định: “VNEN là mô hình tổ chức lớp học phù hợp với phong trào “Trường học thân thiện, học sinh tích cực”, hướng tới các mục tiêu đổi mới sư phạm, đổi mới phương pháp dạy và học, từ đó nâng cao chất lượng giáo dục...” [8]. Việc xác định rõ vai trò đào tạo, bồi dưỡng GV của trường sư phạm là tiền đề quan trọng hướng tới các mục tiêu đổi mới sư phạm, đổi mới phương pháp dạy và học.

2. Vai trò đào tạo, bồi dưỡng giáo viên tiểu học của trường sư phạm [2]

2.1. Đào tạo

Có thể nói các trường sư phạm có vai trò không nhỏ trong việc đào tạo GV phổ thông nói chung và các GV tiểu học nói riêng. Quá trình đào tạo bao gồm: mục tiêu, chương trình, nội dung, phương thức, điều kiện, đánh giá kết quả và quản lí đào tạo. Hiện nay trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng (ĐHSP, ĐHDN) đã xây dựng, hoàn thiện khung chương trình, kế hoạch đào tạo áp dụng từ khóa 2013 trở đi cho hệ chính qui (Cử nhân Sư phạm). Nội dung, chương trình đào tạo đã được rà soát, điều chỉnh, bổ sung để thích ứng với việc đào tạo theo hình thức tín chỉ, phù hợp với chuẩn nghề nghiệp GV phổ thông và nhu cầu thực tế hiện nay. Đối với ngành Cử nhân Sư phạm Tiểu học hệ chính qui cũng đã được bổ sung, điều chỉnh [7]:

Về mục tiêu đào tạo: Mục tiêu đào tạo giáo viên theo định hướng phát huy năng lực dạy học (trang bị kiến thức chuyên môn) kết hợp với việc rèn luyện năng lực nghề nghiệp, năng lực hoạt động xã hội (trong và ngoài trường), có thái độ yêu nghề, mến trẻ. Mục tiêu đào tạo gồm các mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể về kiến thức, kỹ năng và phẩm chất đạo đức của người GV tiểu học.

Về chương trình đào tạo: Đảm bảo sự cân đối phù hợp giữa khối lượng kiến thức khoa học chuyên ngành và khoa học GD, trong nội dung chương trình đào tạo GV cần tăng cường năng lực nghề nghiệp GV tiểu học. Chương trình đào tạo GV tiểu học ngoài các kiến thức GD đại cương còn các kiến thức GD chuyên nghiệp bao gồm kiến thức Cơ sở ngành, kiến thức NVSP và khối kiến thức sư phạm ngành.

Khối kiến thức sư phạm ngành của chương trình đào tạo GV tiểu học có nhiều học phần PPDH hơn các ngành sư phạm khác, gồm các học phần PPDH như PPDH Tiếng Việt, PPDH Toán, PP tìm hiểu TN-XH, PPDH Đạo đức, PPDH Thủ công-Kĩ thuật, PPDH Mỹ thuật, PPDH Âm nhạc, PPDH Thể dục và các chuyên đề PPDH.

Về nội dung đào tạo: Theo chủ trương chung của Bộ GD&ĐT về nội dung đào tạo đã chú trọng đến một số nội dung sau:

+ Cấu trúc lại nhằm phù hợp với chuẩn nghề nghiệp của GV tiểu học; giảm nhẹ thời lượng, giảm tính lý thuyết để tăng cường tính thực tiễn trong nội dung môn học; loại bỏ một số nội dung quá xa với thực tế phổ thông, tăng thêm một số học phần thuộc chuyên ngành PPDH. Nội dung chương trình đào tạo đã chú ý khả năng dạy các kiến thức liên môn, chủ đề tích hợp...

+ Ở trường sư phạm, một sinh viên (SV) ra trường bước vào nghề muốn trở thành người GV dạy tốt thì phải có đầy đủ ba yếu tố: tri thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp và có thái độ yêu nghề. SV ngành Giáo dục Tiểu học được cung cấp những tri thức cơ bản, cốt lõi; hình thành những kỹ năng dạy học cơ bản nhất qua các giờ dạy học các học phần PPDH, qua giờ rèn luyện nghiệp vụ sư phạm (RLNVSP), qua việc kiến, thực tập sư phạm. Chính vì vậy, trong nội dung các học phần PPDH bộ môn đã chú ý đến việc đổi mới PPDH nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới về PPDH. Tuy nhiên nội dung các học phần PPDH cũng chủ yếu truyền đạt nội dung dạy học ở tiểu học là “Dạy cái gì?”, còn việc vận dụng kĩ thuật dạy học tích cực vào giảng dạy vẫn chưa được chú trọng.

Về phương thức đào tạo: Hiện nay ở trường ĐHSPT, ĐHDN đang thực hiện theo phương thức đào tạo tín chỉ đối với tất cả các ngành hệ chính qui bao gồm Cử nhân Sư phạm và Cử nhân. Năm thứ tư, sau khi được trang bị đầy đủ các kiến thức cơ bản, các PPDH từng bộ môn, SV được kiến tập (2 tuần), thực tập sư phạm (6 tuần) tại các trường tiểu học trên địa bàn thành phố. Qua đợt kiến tập, SV đã cơ bản nắm được các hoạt động dạy học, hoạt động GD trong nhà trường phổ thông, hình dung được những nhiệm vụ, những công việc mà người GV phải đảm nhiệm, xác định cho mình những yêu cầu rèn luyện để trở thành một GV thực thụ. Trong thời gian đi thực tập, SV đã bước đầu tích lũy cho mình bản lĩnh, các thao tác nghề nghiệp, các kĩ năng dạy học và kĩ năng GD, bước đầu rèn luyện được một số phẩm chất, năng lực cần thiết của người GV.

Bên cạnh đó, đối với các hệ VLVH, liên thông vẫn được áp dụng hình thức đào tạo theo niên chế. Đối tượng của hình thức đào tạo này là các GV phổ thông chuyển hệ hoặc là các GV phổ thông có nhu cầu nâng chuẩn. Thông qua hình thức đào tạo này, các GV ở trường sư phạm ngoài việc giảng dạy các kiến thức theo nội dung chương trình đào tạo của từng hệ, họ còn có điều kiện tìm hiểu những vấn đề liên quan đến chuyên môn, liên quan đến thực tiễn ở trường phổ thông. Tuy nhiên, phần lớn cấu trúc nội dung, chương trình vẫn nặng về đào tạo cơ bản, chưa đi sâu, phát triển chuyên ngành PPDH.

Về điều kiện đào tạo và quản lí đào tạo

Về điều kiện đào tạo: Về cơ sở vật chất và trang thiết bị

dạy học của nhà trường đã có sự thay đổi cơ bản. Tuy còn nhiều khó khăn như thiếu phòng học, còn một số phòng học là nhà cấp 4... nhưng hiện nay các phòng học trong nhà trường đã được trang bị máy đèn chiếu tương đối đầy đủ. Nhà trường có phòng đa chức năng, phòng đọc, thư viện phục vụ tương đối hiệu quả cho công tác giảng dạy và việc tự học của SV. Mặt khác, về đội ngũ GV, nhà trường đã có những bước chuyển biến mạnh mẽ để có đội ngũ GV đáp ứng với yêu cầu của một trường Đại học sau năm 2015.

Về quản lý đào tạo: Hiện nay SV ở trường sư phạm được quản lý theo hình thức Khoa, PĐT. SV và Phòng CTSV; phải tích lũy đủ 135 tín chỉ trong đó có các học phần bắt buộc, kiến tập, thực tập sư phạm và các học phần tự chọn.

2.2. Công tác bồi dưỡng

Công tác bồi dưỡng GV Tiểu học hiện nay được thực hiện theo yêu cầu của các Sở, Phòng giáo dục của địa phương. Với trường sư phạm, liên kết để đào tạo; với trường phổ thông, liên kết để bồi dưỡng. Các đợt kiến, thực tập sư phạm chính là một cơ hội thể hiện liên kết giữa trường sư phạm và trường phổ thông. Tuy nhiên, sự liên kết này mới chỉ diễn ra một chiều: SV nhận được sự hướng dẫn từ GV phổ thông về các hoạt động dạy học và GD ở trường phổ thông. Những thay đổi về nội dung, chương trình, PPDH ở phổ thông chưa kịp cập nhật vào việc đào tạo NVSP cho SV, khiến cho việc “Sư phạm đi sau trường phổ thông” hiện nay vẫn tồn tại. Mặt khác, lại có những PPDH và các hình thức tổ chức dạy học mới đã được giới thiệu, triển khai ở trường sư phạm nhưng lại chưa thể thực hiện được ở trường phổ thông. Đôi khi lại chưa thể chấp nhận trong hoàn cảnh GD ở Tiểu học hiện nay. Điều này đã tạo nên một nên một sự “chênh” trong mối liên kết giữa cơ sở đào tạo, bồi dưỡng và các cơ sở sử dụng. Trong công tác đào tạo, bồi dưỡng GV, mối liên kết này còn chưa chặt chẽ, còn tách rời khâu đào tạo và bồi dưỡng GV [9].

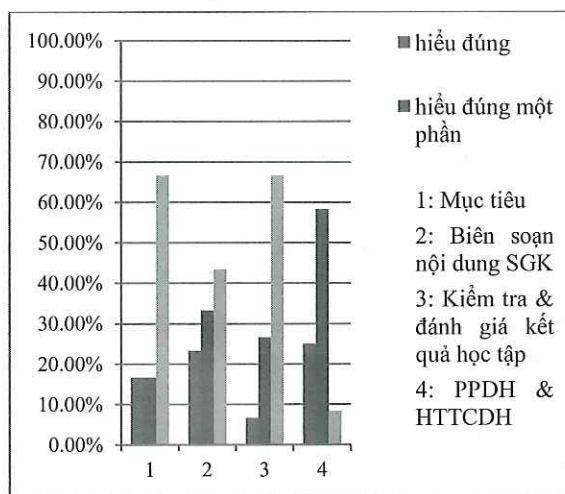
Việc đào tạo, bồi dưỡng GV Tiểu học là vấn đề quan trọng góp phần đổi mới nền GD. Hiện nay, trường ĐHSP, ĐHDN đã có những chủ trương, chính sách kịp thời tạo điều kiện để các Khoa nghiên cứu, đề xuất các chuyên đề bồi dưỡng GV song song với việc hoàn thiện khung chương trình, kế hoạch đào tạo cho các ngành Sư phạm và Cử nhân của trường. Trong khi dự án “Mô hình VNEN” đã được nhân rộng đến tất cả các tỉnh thành trong cả nước trong hơn một năm qua với gần 2000 trường Tiểu học. Nhưng hiện nay Khoa GD Tiểu học - Mầm non, trường ĐHSP, ĐHDN đang đào tạo GV tiểu học cho khu vực miền Trung, Tây Nguyên lại chưa có một văn bản hướng dẫn cụ thể nào của các Ban, Ngành liên quan. Trên thực tế, nhiều GV của khoa chưa quan tâm hoặc chỉ mới biết đến mô hình VNEN; 91,67% GV không biết mô hình VNEN đã triển khai đến nay được khoảng bao nhiêu trường tiểu học trên toàn quốc, 25% số GV mới bắt đầu tìm hiểu, 16,67% số GV đã tìm hiểu nhưng chưa hiểu rõ. Qua việc điều tra, khảo sát các GV của khoa, kết quả như sau:

Bảng 1. Điều tra việc tìm hiểu về đặc điểm mô hình VNEN

Mức độ	Hiểu đúng (%)	Hiểu đúng một phần (%)	Chưa biết (%)
Đặc điểm			
Mục tiêu của mô hình VNEN	25	25	50

Bản chất của mô hình VNEN	16,67	33,33	50
Biên soạn nội dung học tập của mô hình VNEN	41,66	16,67	41,66
PPDH & HTTCDDH của mô hình VNEN	33,33	41,67	25
Kiểm tra, đánh giá của mô hình VNEN	25	58,33	8,33

Do chưa tìm hiểu hoặc mới bắt đầu tìm hiểu về VNEN nên phần lớn GV chưa thể giới thiệu cho SV về mô hình này. Kết quả điều tra trên SV của khoa như sau: Số SV biết đến VNEN do tự tìm hiểu hoặc do GV giới thiệu là 26%. Nhiều SV cho rằng GV chưa giới thiệu mô hình VNEN, chưa kịp thời bổ sung vào các học phần PPDH để SV nắm bắt, chỉ có một số ít học phần PPDH dưới dạng chuyên đề (6,66%) đã giới thiệu về mô hình VNEN để SV tìm hiểu. Đối với những SV đã tìm hiểu về đặc điểm của mô hình VNEN, kết quả như sau:



Hình 1. Điều tra việc tìm hiểu của SV về đặc điểm mô hình VNEN

Để hiểu rõ thêm về mô hình VNEN, đáp ứng những yêu cầu, nhiệm vụ về đào tạo, bồi dưỡng GV sau 2015, nguyện vọng của các GV trong Khoa như sau:

Bảng 2. Điều tra nhu cầu, nguyện vọng của GV

Hình thức	Tham dự tập huấn (%)	Tự tìm hiểu, thực hành (%)	Tìm hiểu thực tiễn DH(%)
Đặc điểm của Mô hình VNEN			
Mục tiêu	33,33	83,33	50
Biên soạn ND tài liệu học tập	83,33	16,66	41,67
PPDH&HTTCDDH	8,33	41,67	91,67
KT&ĐG kết quả học tập	8,33	58,33	50

3. Một số ý kiến đề xuất

Trước thực tiễn triển khai của mô hình VNEN đối với các trường tiểu học trên phạm vi toàn quốc; trước thực tiễn dạy và học của Khoa, trên phương diện Khoa quản lý chuyên môn, chúng tôi có một số ý kiến đề xuất như sau:

3.1. Về cấp độ quản lý

Để mô hình trường tiểu học mới được nhân rộng, cần có các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo cụ thể, thống nhất từ Bộ GD&ĐT quy định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn tới các Trường sư phạm, các Sở, Phòng giáo dục của các địa phương trong công tác đào tạo, bồi dưỡng GV.

Bộ GD&ĐT cần tạo điều kiện cho các trường sư phạm nghiên cứu về “Mô hình trường học mới” để thay đổi chương trình, nội dung đào tạo. Tổ chức các cuộc hội thảo, tập huấn về mô hình VNEN cho các GV dạy PPDH của các trường sư phạm được tham gia cùng với các cán bộ của Sở, Phòng giáo dục của các địa phương, đồng thời tạo điều kiện để các trường sư phạm được tham gia góp ý, xây dựng nội dung chương trình, sách hướng dẫn học tập trong mô hình VNEN. Trên cơ sở một số trường tiểu học tự nguyện làm mẫu, mô hình VNEN vừa triển khai, vừa điều chỉnh để hoàn thiện; cần có sự chỉ đạo xuyên suốt các cấp học ở phổ thông, đảm bảo tính logic, tính kế thừa và tính hệ thống của các môn học.

Các trường sư phạm được tham gia trực tiếp vào việc đào tạo lại, bồi dưỡng GV để đáp ứng với mô hình VNEN; phối hợp với các sở GD&ĐT xây dựng mạng lưới trường phổ thông trên địa bàn; xây dựng hệ thống đào tạo, bồi dưỡng GV theo mô hình VNEN thông qua các hình thức: Hội thảo - Tập huấn.

Trường sư phạm cần đổi mới cách tiếp cận các thành tố của quá trình đào tạo GV tiểu học về: mục tiêu đào tạo; chương trình, nội dung đào tạo; phương thức, quản lý đào tạo; điều kiện đào tạo, đánh giá kết quả đào tạo; đó cũng là yếu tố cốt lõi để thực hiện mục tiêu đổi mới phương pháp đào tạo GV. Từ đó, trường sư phạm nâng cao vai trò, tiếp tục điều chỉnh, hoàn thiện nội dung chương trình đào tạo; tăng cường cơ sở vật chất, phát triển đội ngũ GV các khoa trong trường; đổi mới công tác quản lý và điều hành các cơ sở đào tạo GV; mở rộng nhiều hình thức đào tạo để đáp ứng nhu cầu về đội ngũ GV của địa phương.

GV dạy Tiểu học được đào tạo nghề nghiệp, kỹ năng sư phạm ngay từ trong trường sư phạm. Vì vậy, để có một đội ngũ GV giỏi, đáp ứng ngay với mô hình VNEN, trường sư phạm cần phải quan tâm nhiều hơn đến việc đào tạo kỹ năng nghề nghiệp dạy học cho SV, cần lấy mục tiêu việc hình thành các kỹ năng của nghề dạy học làm đặc trưng nổi bật cho quá trình đào tạo sư phạm, cần tăng thêm giờ RLNVSP, tạo điều kiện để SV được xuống trường phổ thông nhiều hơn, sớm hơn.

3.2. Nhiệm vụ Khoa quản lý chuyên môn

Ngoài việc tăng cường chất lượng, phát triển đội ngũ GV trong khoa, Khoa Giáo dục TH - MN cần:

- Rà soát lại mục tiêu đào tạo; chương trình, nội dung đào tạo, tiếp tục điều chỉnh, hoàn thiện nội dung, chương trình đào tạo; thiết kế bài giảng PPDH bộ môn. Chủ động tìm hiểu, nghiên cứu về mô hình VNEN và thực tiễn triển khai mô hình ở một số địa phương (Trường tiểu học Hòa Phú, huyện Hòa Vang và một số địa phương khác) để kịp thời đáp ứng yêu cầu về đào tạo, bồi dưỡng GV tiểu học trong khu vực.

- Đưa ra một số định hướng để thiết kế, xây dựng các chuyên đề mới nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng

GV tiểu học như: Xây dựng chuyên đề “Sử dụng các kỹ thuật dạy học tích cực trong việc dạy học ở tiểu học”, “Đánh giá kết quả học tập ở tiểu học”, “Dạy học tích hợp ở tiểu học”... Xây dựng kế hoạch tổ chức các hội thảo về Đổi mới PPDH, xây dựng chương trình, nội dung dạy học theo mô hình VNEN, khích lệ SV NCKH...

3.3. Nhiệm vụ giảng viên

GV tự cập nhật, tìm hiểu, nghiên cứu các đặc điểm của mô hình VNEN; dự giờ để tìm hiểu thực tiễn để thiết kế bài giảng các học phần PPDH bộ môn phù hợp; xây dựng các chuyên đề phục vụ cho công tác đào tạo và bồi dưỡng GV theo định hướng của Khoa, Trường sau 2015; dạy học các chuyên đề, lồng ghép việc dạy học Mô hình VNEN trong các học phần PPDH bộ môn đối với các khóa TS 2010-2014, 2011-2015 ngành Sư phạm Tiểu học.

GV tích cực đổi mới PPDH, thực hành dạy học theo mô hình VNEN; tích cực tham gia NCKH, tham dự hội thảo, viết bài cho các tạp chí, tập san,... trong và ngoài nước. GV hướng dẫn SV đổi mới cách học, biết cách tự học nhằm hướng tới mục tiêu SV “làm được gì?” và “làm như thế nào?”; giúp SV tự rèn luyện kỹ năng dạy học thông qua các giờ PPDH bộ môn; thông qua giờ RLNVSP và qua đợt kiến, thực tập sư phạm để từ đó thích ứng được với việc thay đổi vai trò của người GV trong quá trình dạy học theo mô hình VNEN.

4. Kết luận

Đào tạo và bồi dưỡng GV là khâu quan trọng trong đổi mới giáo dục. Đổi mới mục tiêu, nội dung, phương pháp phải được tiến hành đồng bộ. Các cơ quan chức năng, Ban, Ngành và Trường sư phạm cần nhận thức được vai trò của Trường sư phạm trong việc đào tạo và bồi dưỡng GV, góp phần đào tạo những GV có trình độ chuyên môn vững vàng, có năng lực sư phạm, có bản lĩnh nghề nghiệp, yêu nghề,... đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông, góp phần đổi mới toàn diện nền giáo dục nước nhà.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Hữu Châu (2005), *Những vấn đề cơ bản về chương trình và quá trình dạy học*, NXB Giáo dục.
- [2] Báo cáo vụ Giáo dục Trung học- Mô hình trường học mới và vấn đề đào tạo, bồi dưỡng giáo viên.
- [3] Vụ giáo dục Tiểu học (2013), *Hướng dẫn sự tham gia của cộng đồng theo mô hình trường học mới tại Việt Nam- Dự án mô hình trường học mới Việt Nam* - Nxb Giáo dục Việt Nam - Tài liệu lưu hành nội bộ.
- [4] Vụ giáo dục Tiểu học (2013), *Hướng dẫn tổ chức chuyên môn tại các trường thực hiện mô hình trường học mới Việt Nam- Dự án mô hình trường học mới Việt Nam* - Nxb Giáo dục Việt Nam - Tài liệu lưu hành nội bộ.
- [5] Vụ giáo dục Tiểu học (2013), *Tổ chức lớp học theo mô hình trường học mới tại Việt Nam- Dự án mô hình trường học mới Việt Nam* - Nxb Giáo dục Việt Nam - Tài liệu lưu hành nội bộ.
- [6] Vụ giáo dục Tiểu học, *Tài liệu tập huấn dạy học theo mô hình trường học mới Việt Nam (Lớp 2, Lớp 3, Lớp 4)* - Dự án mô hình trường học mới Việt Nam - Tài liệu lưu hành nội bộ.
- [7] Trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng (2009), *Trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng (2013), Chương trình giáo dục đại học Cử nhân Sư phạm Giáo dục tiểu học*, lưu hành nội bộ.
- [8] <http://www.baomoi.com/> Thứ trưởng Giáo dục nói về trường học mới, 28/8/2013
- [9] <http://ioer.edu.vn/component/k2/item/98>, Trương Thị Bích, Viện NCSP, ĐHSP Hà Nội- Về sự gắn kết giữa trường Đại học sư phạm với trường phổ thông trong đào tạo và bồi dưỡng giáo viên.